

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ T&L VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ T&L VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: T&L VIET NAM INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: T&L VN .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108597977

**3. Ngày thành lập:** 22/01/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 803, Tầng 8, Tòa nhà 315 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868882552

Fax:

Email:

Website: *torano.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                            | 1399     |
| 2.  | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                              | 1430     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                   | 4659     |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                  | 4690     |
| 5.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                | 4719     |
| 6.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                           | 4759     |
| 7.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                           | 5630     |
| 8.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1311     |
| 9.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                            | 1392     |
| 10. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                                             | 1312     |
| 11. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                                                 | 1394     |
| 12. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, tiền kim khí)<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773     |
| 13. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                          | 4782     |
| 14. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa                                                                                                                                                                                             | 7912     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                               | 8299 |
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                       | 1420 |
| 17. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                         | 1512 |
| 18. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                     | 1520 |
| 19. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4751 |
| 20. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4753 |
| 21. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                    | 4784 |
| 22. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                               | 5621 |
| 23. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                    | 7990 |
| 24. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                        | 4791 |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                       | 5610 |
| 27. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                   | 5629 |
| 28. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn kính mắt, các loại gọng kính, các sản phẩm quang học và chụp ảnh<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649 |
| 29. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                   | 4799 |
| 30. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 31. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                         | 7911 |
| 32. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                | 1313 |
| 33. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                | 1391 |
| 34. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                               | 1393 |
| 35. | Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                         | 1410 |
| 36. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                          | 1511 |
| 37. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>- Đại lý ký gửi hàng hóa, ủy thác mua bán hàng hóa                                                                                          | 4610 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 38. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                          | 4641        |
| 39. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép                                                                                                                                                       | 4669        |
| 40. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ giày, dép trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4771(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN QUANG TOÀN | Số 39, Tổ 41, TT Công ty CTGT 116, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 800.000    | 8.000.000.000         | 80,000    | 001088006646                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                                       | Tổng số           | 800.000    | 8.000.000.000         | 80,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐOÀN THỊ HƯỜNG    | Số 39, Tổ 41, TT Công ty CTGT 116, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    | 012692310                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                       | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                       |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                                       |                   |         |               |        |           |  |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN THÚY HÒA | Số 39, Tổ 41, TT Công ty CTGT 116, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 | 012786486 |  |
|   |                 |                                                                                                       | Tổng số           | 100.000 | 1.000.000.000 | 10,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/06/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001088006646

Ngày cấp: 06/07/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 39, Tổ 41, TT Công ty CTGT 116, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 6, Ngõ 521, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội